

Bản án số: 940/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2023

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Diệp Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Vũ Thị Minh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mai Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 759/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về *Tranh chấp ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B N – sinh năm 1962. Địa chỉ: Số X, TĐN, tổ dân phố Y phường QT, quận Hà H, Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn T V – sinh năm 1957. Địa chỉ: Số X, TĐN, tổ dân phố Y phường QT, quận Hà H, Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai, bà Vũ Thị B N trình bày:

Bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 27.02.1987 tại UBND phường NT, thị xã HĐ, tỉnh HSB (nay là quận H, thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống do cách sống và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 08 năm 2021 đến nay. Đến nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

* Về con chung: ông bà có 02 con chung là Nguyễn H L sinh năm 2000, Nguyễn H L – sinh năm 1989. Các cháu đều đã lớn và có cuộc sống riêng nên tôi khi ly hôn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, bất động sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Vì tuổi đã cao và phải chăm sóc mẹ già nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

*** *Bị đơn ông Nguyễn T V có ý kiến:***

Về tình cảm: Ông và bà Vũ Thị B N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 27.02.1987 tại UBND phường N T, thị xã HĐ, tỉnh HSB (nay là quận H, thành phố Hà Nội). Hai vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 08 năm 2021 đến nay. Nay vì không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N đề nghị ly hôn, ông đồng ý nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà N có 02 con chung là Nguyễn H L sinh năm 2000, Nguyễn H L – sinh năm 1989. Các cháu đều đã lớn và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết.

- Về công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Ông bà có một số bất động sản chung, ông cũng nghĩ ra phương án giải quyết. Tuy nhiên, ông chỉ nêu ra như vậy, khi nào ông có yêu cầu cụ thể thì ông sẽ gửi đơn đến tòa và nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung vợ chồng cho tòa sau.

Vì tuổi đã cao và có bệnh nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà N và ông V đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị: Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V, xử cho bà Vũ Thị B N được ly hôn với ông Nguyễn T V.

Về con chung: Giữa bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V có 02 con chung là Nguyễn H L sinh năm 2000, Nguyễn H L – sinh năm 1989. Các cháu đều đã lớn và có cuộc sống riêng nên khi ly hôn ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung, bất động sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: các đương sự đều là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Vũ Thị B N nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn T V có địa chỉ cư trú tại số X TĐN, tổ dân phố Y phường QT, quận H, Hà Nội. Tòa án nhân dân quận H thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp tòa án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị B N kết hôn với ông Nguyễn T V ngày 27.02.1987 tại UBND phường NT, thị xã HĐ, tỉnh HSB (nay là quận H, thành phố Hà Nội), quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông V là hợp pháp. Bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V mặc dù là vợ chồng nhưng đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, không còn khả năng đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V, giải quyết cho bà Vũ Thị B N được ly hôn với ông Nguyễn T V.

[3] Về con chung: Giữa bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V có 02 con chung là Nguyễn H L sinh năm 2000, Nguyễn H L – sinh năm 1989. Các cháu đều đã lớn và có cuộc sống riêng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự đều là người lớn tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị B N đối với ông Nguyễn T V. Bà Vũ Thị B N được ly hôn với ông Nguyễn T V.

2. Về con chung: Giữa bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V có 02 con chung là Nguyễn H L sinh năm 2000, Nguyễn H L – sinh năm 1989. Các cháu đều đã lớn và có cuộc sống riêng nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: Bà Vũ Thị B N và ông Nguyễn T V không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà không xem xét.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị B N được miễn án phí ly hôn. Trả lại bà N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0014512 ngày 20.10.2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Diệp Linh